TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Văn Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn H; nơi cư trú: Thôn TrH, xã TrD, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Chị Đào Thị H1; nơi cư trú: Thôn TrH, xã TrD, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2024, bản tự khai, phiên hòa giải nguyên đơn là Anh Trần Văn H trình bày:

Anh và Chị Đào Thị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TrD, huyện VB vào ngày 19/8/2019. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong tình cảm, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tôn trọng nhau, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Đào Thị H1.

Về con chung: Anh và Chị H1 có 02 con chung là Trần Lan A, sinh ngày 11/9/1918 và Trần Văn M, sinh ngày 13/9/2019. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan A còn giao cháu M cho Chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên hoà giải bị đơn là Chị Đào Thị H1 trình Bày: Chị xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như nội dung Anh H trình bày là đúng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong tình cảm, tâm sinh lý nên chị đồng ý ly hôn với Anh Trần Văn H

Về con chung: Chị và Anh H có 02 con chung là Trần Lan A, sinh ngày 11/9/1918 và Trần Văn M, sinh ngày 13/9/2019, hiên đang sinh sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cháp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, công nhận sự thuận tình ly hôn giã Anh Trần Văn H và Chị Đào Thị H1; về con chung: Đề nghị giao con chung Trần Lan A, sinh ngày 11/9/1918 cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Trần Văn M, sinh ngày 13/9/2019 cho Chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do Anh H và Chị H1 không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Trần Văn H có đơn xin ly hôn với Chị Đào Thị H1 có nơi cư trú tại xã TrD, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và Chị Đào Thị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TrD, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 19/8/2019. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cả Anh H và Chị H1 đều xác nhận vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh H xin ly hôn, Chị H1 đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa

giải nhưng không thành, qua xác M tại địa phương xác định được giữa Anh H và Chị H1 có xảy ra mâu thuẫn như nội dung Anh H và Chị H1 trình bày, từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Văn H và Chị Đào Thị H1.

[4] Về con chung: Anh H và Chị H1 đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Lan A, sinh ngày 11/9/1918 và Trần Văn M, sinh ngày 13/9/2019. Khi ly hôn, Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Lan A và giao con chung Trần Văn M cho Chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng; Chị H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy 02 con chung của Anh H và Chị H1 đều trên 36 tháng tối nhưng dưới 07 tuổi, Anh H và Chị H1 đều có việc làm có thu nhập và có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử, căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Trần Lan A cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Trần Văn M cho Chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con, do Anh H và Chị H1 tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và Chị H1 không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Văn H và Chị Đào Thị H1.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Lan A, sinh ngày 11/9/1918 cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy

định của pháp luật; giao con chung Trần Văn M, sinh ngày 13/9/2019 cho Chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0009238 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H và Chị H1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã TrD, huyện VB;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh